

Số: 597/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 347/2022/HNST ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Kiều Hồng S, sinh năm 1972; địa chỉ: đường A, Khu dân cư B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1983; địa chỉ: đường A, Khu dân cư B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiều Hồng S và bà Bùi Thị Thu H thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, Quyền số 01 đăng ký ngày 28/11/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt, bất đồng về quan điểm sống. Cả hai đã cùng nhau khắc phục, nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ; cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông S không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện

và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 115/2010, Quyền số 01/2010 của do Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 01/06/2010 và Giấy khai sinh số 371, quyền số 2 của do Ủy ban nhân dân phường D, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 25/11/2006, cùng thừa nhận của ông Kiều Hồng S và bà Bùi Thị Thu H, ông bà có 02 (hai) con chung họ và tên: Kiều Gia A (nữ), sinh ngày 02/04/2010 và Kiều Gia P (nam), sinh ngày 25/10/2006.

Cả hai thỏa thuận, sau khi ly hôn giao ông S trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, ghi nhận ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: bà Bùi Thị Thu H và ông Kiều Hồng S chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiều Hồng S và bà Bùi Thị Thu H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyền số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định ngày 28/11/2006).

1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 115/2010, quyền số 01/2010 của do Ủy ban nhân dân phường D, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 01/06/2010 và Giấy khai sinh số 371, quyền số 2 của do Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 25/11/2006, cùng thừa nhận của ông Kiều Hồng S và bà Bùi Thị Thu H, ông bà có 02 (hai) con chung họ và tên: Kiều Gia A (nữ), sinh ngày 02/04/2010 và Kiều Gia P (nam), sinh ngày 25/10/2006.

Sau khi ly hôn, giao ông S trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Kiều Hồng S và bà Bùi Thị Thu H tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014476 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S và bà H đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong